



BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI



BẢN TIN SỐ VỀ PHÁP LUẬT

THÁNG 01/2026



HILU



Nơi đây chúng tôi trưởng thành



Trụ sở: 100 Phố Trần Hưng Đạo, Hà Nội
ĐT: 04. 224. 1234

MỤC LỤC

1. Văn bản được ban hành trong Tháng 01/2026.....	3
2. Văn bản có hiệu lực trong Tháng 01/2026.....	7
3. Bản án xét xử phúc thẩm của Toà án nhân dân cấp cao (từ 20/12/2025- 20/01/2026)	13

1. Văn bản pháp luật ban hành trong Tháng 1/2026

1.1. Luật Hành chính

1.1.1. Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí và lệ phí từ 01/01/2026

Ngày 01/01/2026, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 02/2026/NĐ-CP](#) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí và lệ phí, có hiệu lực từ ngày ban hành.



Nghị định quy định các hành vi vi phạm như: tổ chức thu phí, lệ phí không đúng quy định, tự đặt và thu các loại phí, lệ phí, vi phạm quy định về miễn, giảm phí, lệ phí, và vi phạm quy định về nộp phí, lệ phí.

Hình thức xử phạt chính bao gồm phạt cảnh cáo và phạt tiền, với mức phạt tối đa cho cá nhân là 50 triệu đồng và cho tổ chức là 100 triệu đồng.

Các biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm buộc nộp ngân sách nhà nước số tiền phí, lệ phí do vi phạm, hoàn trả tiền

phí, lệ phí cho người nộp, và thực hiện các trách nhiệm của tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định.

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí là 2 năm. Đối với vi phạm đã kết thúc, thời hiệu tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm; đối với vi phạm đang thực hiện, thời hiệu tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

1.1.2. Cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp từ 10/01/2026

Ngày 10/01/2026, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 09/2026/NĐ-CP](#) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

Theo [Nghị định 09/2026/NĐ-CP](#), Bộ Tư pháp là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Xây dựng pháp luật; tổ chức thi hành pháp luật; thi hành án dân sự; hành chính tư pháp; hỗ trợ tư pháp; công tác pháp chế; kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); quản lý nhà nước các dịch vụ sự nghiệp công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp gồm 20 đơn vị gồm:

- 16 đơn vị là các tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước.



- 04 tổ chức là các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ quản lý nhà nước thuộc Bộ.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc Bộ.

Nghị định 09/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ 10/01/2026.

1.1.3. Cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực tư pháp từ 15/01/2026

Ngày 14/01/2026, Chính phủ đã ban hành [Nghị định số 18/2026/NĐ-CP](#) nhằm sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

Nghị định này điều chỉnh các quy định liên quan đến lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, bao gồm các thủ tục hành chính và điều kiện

kinh doanh trong các lĩnh vực như trọng tài thương mại và giám định tư pháp.

Nghị định 18/2026/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2026.

1.2. Luật Doanh nghiệp

1.2.1. Hướng dẫn 3 cơ chế, chính sách quan trọng phát triển kinh tế tư nhân

Ngày 15/01/2026, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 20/2026/NĐ-CP](#) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của [Nghị quyết 198/2025/QH15](#) về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

Nghị định 20/2026/NĐ-CP hướng dẫn các nội dung đáng chú ý như:



- Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất - kinh doanh:

- + Hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất tại KCN, CCN và vườn ươm công nghệ;
- + Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công.

- Ưu đãi về thuế nhằm khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo và mở rộng khu vực kinh tế tư nhân:

+ Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động khởi nghiệp sáng tạo;

+ Miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

+ Miễn thuế TNDN 03 năm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu;

+ Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động đầu tư và lao động chất lượng cao.

- Hỗ trợ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực:

+ Cơ chế trích lập quỹ cho R&D, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

+ Ưu đãi về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế;

+ Ưu đãi về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế;

+ Hỗ trợ miễn phí đào tạo về quản trị, kế toán, thuế và nhân sự...

1.3. Luật Tài chính – Ngân hàng

1.3.1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội từ 10/01/2026

Nghị định 06/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động

của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành và hiệu lực ngày 10/01/2026.



Điều 7 Nghị định 06/2026/NĐ-CP quy định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội gồm:

- Hội đồng quản trị và bộ phận giúp việc;

- Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp;

- Ban Kiểm soát;

- Tổng Giám đốc.

1.3.2. Tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Ngân hàng từ 15/01/2026

Ngày 10/01/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định 05/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 15/01/2026.

Hoạt động thanh tra ngân hàng phải tuân thủ Luật Thanh tra và các quy định pháp luật liên quan, đảm bảo tính dân chủ, công khai, khách quan, kịp thời và chính xác. Thanh tra không được trùng lặp về phạm vi, thời gian với các cơ quan thanh tra khác hoặc với cơ quan kiểm toán nhà nước.

1.3.3. Quy định về sàn giao dịch các-bon trong nước

Ngày 19/01/2026, Chính phủ đã ban hành [Nghị định 29/2026/NĐ-CP](#) về sàn giao dịch các-bon trong nước, có hiệu lực từ ngày 19/01/2026.

Nghị định này điều chỉnh các hoạt động liên quan đến sàn giao dịch các-bon trong nước, bao gồm đăng ký, cấp mã, chuyển quyền sở hữu, lưu ký, giao dịch và thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.



Theo Điều 13, hoạt động lưu ký hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm:

- Ký gửi, rút ký gửi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon;
- Chuyển khoản hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon gắn với chuyển quyền sở hữu để thanh toán cho các giao dịch xác lập trên hệ thống giao dịch các-bon theo khoản 1 Điều 12 Nghị định này;

- Chuyển khoản hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon ngoài hệ thống giao dịch các-bon không gắn với chuyển quyền sở hữu thực hiện theo quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

1.4. Luật Hình sự

1.4.1. Danh mục chất ma túy và tiền chất từ 19/01/2026

Nghị định 28/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất đã được ban hành và hiệu lực ngày 19/01/2026.



Ban hành kèm theo [Nghị định 28/2026/NĐ-CP](#) là Phụ lục các danh mục chất ma túy và tiền chất sau đây:

Danh mục I: Các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội; việc sử dụng các chất này trong nghiên cứu, kiểm nghiệm, giám định, vì mục đích quốc phòng, an ninh theo quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền.

Danh mục II: Các chất ma túy được sử dụng hạn chế trong nghiên cứu, kiểm nghiệm, giám định, vì mục đích quốc phòng, an ninh hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Danh mục III: Các chất ma túy được sử dụng trong nghiên cứu, kiểm nghiệm, giám định, vì mục đích quốc phòng, an ninh hoặc trong lĩnh vực y tế, thú y theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Danh mục IV: Các tiền chất.

2. Văn bản pháp luật có hiệu lực Tháng 12/2025

2.1. Luật Tài chính – Ngân hàng

2.1.1. Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 có hiệu lực từ 01/01/2026

Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 có hiệu lực từ 01/01/2026 quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, công khai, giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

Theo Điều 5 Luật Ngân sách Nhà nước 2025, các khoản thu ngân sách Nhà nước bao gồm:

- Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí và các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện;

- Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

- Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương; các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Các khoản chi ngân sách Nhà nước bao gồm:



- Chi đầu tư phát triển;
- Chi dự trữ quốc gia;
- Chi thường xuyên;
- Chi trả nợ lãi;
- Chi viện trợ;
- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Luật sửa đổi Luật Giá số 140/2025/QH15 có hiệu lực từ 01/01/2026

Luật sửa đổi Luật Giá số 140/2025/QH15

có các nội dung đáng chú ý:

- Sửa đổi về thẩm quyền để phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp
- Sửa đổi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá Khoản 2 Điều 1 Luật Giá sửa đổi 2025 sửa đổi chi tiết thẩm quyền và hình thức định giá cho nhiều loại hình dịch vụ tại Phụ lục 02 Luật Giá 2023.
- Khoản 4 Điều 1 Luật giá sửa đổi 2025 bãi bỏ các quy định:
 - + Bãi bỏ khoản 13 Điều 14 về: "Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thanh tra" của Bộ Tài chính.



- + Bãi bỏ yêu cầu người đại diện tổ chức góp vốn phải có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp (tại điểm b khoản 1 Điều 49 Luật giá 2023).

2.1.3. Luật sửa đổi Luật Quản lý nợ công số 141/2025/QH15 có hiệu lực từ 01/01/2026

Luật sửa đổi Luật Quản lý nợ công số

141/2025/QH15 có nhiều nội dung sửa đổi quan trọng liên quan đến vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, bảo lãnh Chính phủ, cho vay lại và công khai thông tin nợ công.

Tại khoản 1 Điều 1 Luật Quản lý nợ công sửa đổi 2025 đã sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Luật Quản lý nợ công 2017. Theo đó, khái niệm “vay” được xác định là quá trình tạo ra nghĩa vụ nợ thông qua việc phát hành công cụ nợ hoặc ký kết và thực hiện các thỏa thuận, hiệp định, hợp đồng vay, không phụ thuộc vào tên gọi văn bản.



Đồng thời, Luật này bổ sung quy định phân biệt rõ giữa điều ước quốc tế về vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhân danh Chính phủ....

2.1.4. Luật Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế số 150/2025/QH15 có hiệu lực từ 01/01/2026

Luật Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế số 150/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Theo đó, Tòa án chuyên biệt được thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm Tòa Sơ thẩm, Tòa Phúc thẩm và bộ máy giúp việc. Tòa án này có thẩm quyền giải quyết các vụ việc liên quan đến đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế, công nhận và thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, và các yêu cầu liên quan đến trọng tài thương mại.



Tòa án chuyên biệt hoạt động theo nguyên tắc độc lập, công bằng, minh bạch và hiệu quả. Pháp luật Việt Nam, pháp luật nước ngoài, và tập quán thương mại quốc tế có thể được áp dụng tùy theo thỏa thuận của các bên liên quan. Tuy nhiên, pháp luật nước ngoài và tập quán

thương mại quốc tế không được áp dụng nếu trái với trật tự công của Việt Nam.

2.2. Luật Lao động

2.2.1. Luật Việc làm số 74/2025/QH15 có hiệu lực từ 01/01/2026

Luật Việc làm số 74/2025/QH15 được thông qua ngày 16/6/2025 và chính thức có hiệu lực từ 01/01/2026.

Luật này có nhiều nội dung mới đáng chú ý như:

- Từ 2026, doanh nghiệp được hỗ trợ đào tạo lao động nếu gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh;



- Điều kiện đối với doanh nghiệp muốn cung cấp dịch vụ việc làm;
- Người sử dụng lao động được giảm tiền đóng BHTN cho đối tượng lao động khuyết tật;
- Người cao tuổi vẫn được vay vốn tạo việc làm và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
- Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự được vay vốn hỗ trợ tạo việc làm;

- Người lao động làm nghề nguy hiểm bắt buộc phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
- Điều chỉnh các chế độ mới của bảo hiểm thất nghiệp;
- Điều chỉnh mức hưởng trợ cấp thất nghiệp tối đa;
- Thay đổi điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp từ 01/01/2026;
- Người lao động không thông báo tìm việc sẽ bị tạm dừng hoặc chấm dứt trợ cấp...

2.2.2. Tăng lương tối thiểu vùng từ 01/01/2026

Nghị định số 293/2025/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu tháng và tối thiểu giờ cho người lao động theo từng vùng từ ngày 01/01/2026 như sau:

- Vùng I: 5.310.000 đồng/tháng, 25.500 đồng/giờ
- Vùng II: 4.730.000 đồng/tháng, 22.700 đồng/giờ
- Vùng III: 4.140.000 đồng/tháng, 20.000 đồng/giờ
- Vùng IV: 3.700.000 đồng/tháng, 17.800 đồng/giờ

Mức lương tối thiểu tháng là cơ sở để thỏa thuận và trả lương cho người lao động theo tháng, đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu khi làm đủ thời gian và hoàn thành công việc.

Tương tự, mức lương tối thiểu giờ áp dụng cho hình thức trả lương theo giờ. Đối với các hình thức trả lương khác như theo tuần, ngày, sản phẩm, hoặc lương khoán, mức lương quy đổi không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng hoặc giờ.

2.2.3. Quy định mới về hợp đồng lao động điện tử từ 01/01/2026

Nghị định 337/2025/NĐ-CP quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng lao động điện tử; xây dựng, cập nhật, quản lý, duy trì, khai thác, sử dụng Nền tảng hợp đồng lao động điện tử.

Hợp đồng lao động điện tử là hợp đồng lao động được giao kết, thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về giao dịch điện tử, có giá trị pháp lý như hợp đồng lao động bằng văn bản giấy.



Điều 4 quy định nguyên tắc chung về giao kết và thực hiện hợp đồng lao động điện tử như sau:

- Việc giao kết và thực hiện hợp đồng lao động điện tử phải tuân thủ quy định của pháp luật về lao động, về giao dịch điện tử, về an toàn thông tin mạng, về dữ liệu, về bảo vệ dữ liệu cá nhân, về lưu trữ và quy định tại Nghị định này.
- Hợp đồng lao động điện tử phải được gửi cho người lao động và người sử dụng lao động dưới hình thức thông điệp dữ liệu thông qua phương tiện điện tử phù hợp theo thỏa thuận của các bên.
- Khuyến khích sử dụng hợp đồng lao động điện tử thay thế cho hợp đồng lao động bằng văn bản giấy trong quản trị nhân sự của người sử dụng lao động, trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hợp đồng lao động.

2.3. Luật Dân sự

2.3.1. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 có hiệu lực từ 01/01/2026

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 chính thức có hiệu lực thi hành từ 1/1/2026, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền riêng tư và an ninh thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ.



Một số nội dung chính đáng chú ý của Luật:

- Chủ thể dữ liệu cá nhân có quyền được đồng ý hoặc không đồng ý, yêu cầu rút lại sự đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân
- Chủ thể dữ liệu cá nhân có thể đề nghị thực hiện các quyền chỉnh sửa, xóa, hủy, khử nhận dạng dữ liệu cá nhân
- Phải xóa, hủy thông tin của người dự tuyển khi không tuyển dụng
- Người sử dụng lao động phải xóa, hủy dữ liệu cá nhân của người lao động khi chấm dứt hợp đồng
- Dữ liệu cá nhân của trẻ em phải được sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật
- Chủ thể dữ liệu cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện khi bị xâm phạm
- Khi bị "lộ" thông tin dữ liệu cá nhân thì chủ thể dữ liệu cá nhân phải được thông báo
- Mạng xã hội không được yêu cầu xác thực bằng hình thức cung cấp hình ảnh, video chứa nội dung giấy tờ tùy thân...

2.3. Luật Hình sự**2.3.1. Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 có hiệu lực từ 01/01/2026**

Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 chính thức có hiệu lực từ 01/01/2026.



Luật này gồm 05 phần, 10 chương, 179 điều; quy định một số nội dung lớn như:

- Quy định 12 biện pháp xử lý chuyển hướng cùng với các điều kiện được áp dụng, thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên phạm tội (*Điều 36*)
- Quy định thời hạn điều tra, truy tố, xét xử đối với người chưa thành niên không

quá $\frac{1}{2}$ thời hạn đối với người trưởng thành, trừ trường hợp vụ án có tính chất phức tạp (*khoản 2 Điều 120*)

- Giảm mức phạt tù tối đa đối với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi còn 09 năm, đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi còn 15 năm nhằm thể chế hóa yêu cầu của Đảng về "Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự... đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội" và phù hợp với xu hướng chung của các nước trên thế giới (*khoản 5 Điều 179*)

- Quy định trại giam riêng, phân trại hoặc khu giam giữ dành riêng cho người chưa thành niên là phạm nhân trong trại giam (*Điều 162*)...

3. Bản án xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao (từ 20/12/2025-20/01/2026)

(Nguồn: congbobanan.toaan.gov.vn)

3.1. Luật Hành chính

Bản án: số 298 ngày 24/12/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội

Tên bản án: Đặng Thế A - UBND thành phố T - Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất

Thông tin về vụ án: Đặng Thế A - UBND thành phố T - Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất.

Bản án: số 17/2026/HC-PT ngày 12/01/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Hồ Thành L

Thông tin về vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử: 1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thành L; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 126/2025/HC-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án: số 606 ngày 30/12/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Phạm Quang H

Thông tin về vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; [1] Bác yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Quang H, ông Hoàng Trung V, bà Vũ Thị C. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 222/2025/HC-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án: số 607 ngày 30/12/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Nguyễn Thị Quỳnh N

Thông tin về vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; [1] Bác yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị Quỳnh N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ

trường Đại học Luật Hà Nội

Chai lượng cao tạo nên giá trị đen vùng

thẩm số 159/2025/HC-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án: số 193/2025 ngày 26/12/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Khiếu kiện quyết định hành chính đối với Kết luận thẩm tra, xác minh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định thu hồi đất và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai

Thông tin về vụ án: Khiếu kiện quyết định hành chính đối với kết luận thẩm tra, xác minh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định thu hồi đất và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai.

3.2. Luật Dân sự

Bản án: số 706/2025/DS-PT ngày 30/12/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Mai Thị N

Thông tin về vụ/việc: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử: 1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị N; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 42/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Bản án: số 696/2025/DS-PT ngày 23/12/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Ông Lê Văn H - Bà Lê Thị Tuyết N1

Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Lê Thị Tuyết N1 và ông Trần Sanh P; giữ nguyên quyết định của án số 19/2025/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là TAND tỉnh Cà Mau)

Bản án: số 162/2025 ngày 26/12/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu bồi thường thiệt hại

Thông tin về vụ/việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bản án: số 163/2025 ngày 26/12/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Thông tin về vụ/việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Luật Hình sự

Bản án: số 08/2026/HS-PT ngày 08/01/2026 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Trương Thị Huỳnh N - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Căn cứ b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị Huỳnh N; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 33/2025/HS-ST ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hình phạt đối với bị cáo Trương Thị Huỳnh N.
2. Tuyên bố bị cáo Trương Thị Huỳnh N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. - Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị Huỳnh N 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.
3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Thị Huỳnh N không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án: số 676/2025/HSPT ngày 25/12/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tên bản án: Lê Minh N mua bán trái phép chất ma túy - phạm tội mua bán trái phép chất ma túy (điều 251 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh N; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thạch H1, Tuyên bố bị cáo Lê Minh N phạm các tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”; Xử phạt bị cáo Lê Minh N tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 06 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Lê Minh N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là của hai tội là tử hình. Bị cáo Lê Minh N bị tạm giữ từ ngày 13/5/2024 đến ngày 22/5/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Tiếp tục giam bị cáo Lê Minh N để đảm bảo thi hành án. Xử phạt bị cáo Thạch H1 18 (Mười tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16/10/2024.

Bản án: số 269/2025 ngày 23/12/2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

Tên bản án: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản - phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 174 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015)

Thông tin về vụ án: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.